TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/DS-ST
Ngày: 04 / 8 /2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng T dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Ông Nguyễn Thanh Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST – DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng T dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương T**
Địa chỉ: Số 266-268, N K K N, phường S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**. Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện hợp pháp: Ông **Cao Hồng S**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).
Ông **Cao Hồng S** ủy quyền cho ông **Lê Tuấn K** ký đơn khởi kiện. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – chi nhánh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền số 454/2022/GUQ-CNVL ngày 29/12/2022). Địa chỉ: số 35B, đường 3/2, phường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
Ông **Cao Hồng S** ủy quyền lại cho chị **Nguyễn Ngọc T** – Chuyên viên khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương T – chi nhánh Vĩnh Long. (theo văn bản ủy quyền số : 104/2022/UQ-CNVL ngày 14/4/2023).

2.Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc Ta**, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 2/13, ấp H, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

- Tại đơn khởi kiện và biên bản không tiến hành hòa giải được của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có chị Nguyễn Ngọc Thắm đại diện trình bày:

Ngày 17/11/2020 anh Phạm Ngọc Ta có đến Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương T có ký vay tiền qua hình thức thẻ T dụng, anh Ta ký hợp đồng sử dụng thẻ T dụng theo giấy đề nghị đề nghị cấp thẻ T dụng kiêm hợp đồng sử dụng và Điều khoản Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng được gọi chung là Hợp đồng. Do anh Ta làm bảo trì Công ty TNHH Tỷ B. Căn cứ vào thu nhập của anh Ta Ngân hàng đã đồng ý cấp một thẻ T dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ, số thẻ 356480-0569, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,6%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng kỳ của Ngân hàng), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trong hợp đồng T dụng quy ra 3,9%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 11/2023, cấp thẻ 03 năm. Trong quá trình sử dụng thẻ anh Ta đã sử dụng rút nhiều lần tiền trong thẻ, anh Ta có nộp vô, đến ngày 15/6/2022 anh Ta không đóng vốn, lãi nữa, nên Ngân hàng đã khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng có đến nhà anh Ta đòi nợ nhiều lần nhưng không gặp anh Ta, số tiền anh Ta còn thiếu của Ngân hàng là 22.613.904đ.

Th đến ngày 04/8/2023 số tiền anh Ta còn nợ tổng cộng là 36.169.012đ trong đó vốn là 23.494.082đ, lãi quá hạn là 12.674.930đ.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu anh Phạm Ngọc Ta trả cho Ngân hàng Th đến ngày 04/8/2023 số tiền là 36.169.012đ trong đó vốn là 23.494.082đ, lãi quá hạn là 12.674.930đ và anh Ta còn phải trả lãi phát sinh được tiếp tục Th từ ngày 05/8/2023 đến khi trả xong hết nợ được quy định theo Hợp đồng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Bị đơn anh Phạm Ngọc Ta đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Ta đến Tòa án làm việc, do anh Ta không có ở nhà, không ai nhận thay nên Tòa án đã thông báo niêm yết theo quy định pháp luật, đến ngày làm việc anh Ta không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu anh trả nợ, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự , Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Ngọc Ta vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Ta liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Anh Phạm Ngọc Ta đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Ta không đến, anh Phạm Ngọc Ta còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp H, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án gửi văn bản tố tụng cho anh Ta, anh Ta không có ở nhà, nên Tòa án thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật, đến ngày giải quyết anh Ta không đến. Xét anh Ta bỏ đi không thay đổi địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định "Trường hợp đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là" Đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án, vì lý do không tống đạt được cho bị đơn. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử triệu tập lần thứ hai anh Ta đến Tòa án xét xử, anh Ta vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Phạm Ngọc Ta.

[1.2] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu anh Phạm Ngọc Ta trả lại số tiền đã vay vốn và tiền lãi Th đến ngày 04/8/2023 là 36.169.012đ việc các bên có làm hợp đồng T dụng nhưng mục đích vay là chi tiêu cá nhân, nên đây là quan hệ dân sự tranh chấp hợp đồng T dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức T dụng.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét ngày 17/11/2020 anh Phạm Ngọc Ta có ký tên để vay tiền qua theo hình thức cấp thẻ T dụng của Ngân hàng thể hiện giấy đề nghị cấp thẻ T dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T để vay số tiền 20.000.000đ, mục đích vay chi tiêu cá nhân. lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,6%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng kỳ của Ngân hàng), lãi quá hạn bằng 3,9% / tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân, số thẻ 35480- 0569. Thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 11/2023. Trong quá trình sử dụng thẻ anh Ta đã sử dụng hết số tiền, sau đó anh Ta trả vô rút ra, đến 15/6/2022 anh Ta ngưng không đóng, số tiền còn thiếu chưa trả là 23.494.082đ, Ngân hàng đã khóa sử dụng thẻ của anh Ta, đến ngày hôm nay anh Ta còn nợ của Ngân hàng số tiền vốn và lãi 36.169.012đ trong đó vốn 23.494.082đ lãi quá hạn 12.674.930đ. Ngân hàng đã đến nhà yêu cầu anh Ta trả nợ, anh Ta không có ở nhà. Tại phiên tòa hôm nay anh Ta vắng mặt. Xét anh Ta đã sử dụng thẻ và rút tiền mặt ra sử dụng, không trả tiền cho Ngân hàng, mà tự ý bỏ đi không thanh toán tiền cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu anh Phạm Ngọc Ta trả số tiền đã vay sử dụng thẻ T dụng của Ngân hàng Th đến ngày 04/8/2023 là 36.169.012đ trong đó vốn là 23.494.082đ tiền

lãi quá hạn 12.674.930đ và anh Ta còn phải chịu lãi suất phát sinh của nợ gốc Th từ ngày 05/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo các điều khoản trong hợp đồng T dụng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Ngọc Ta phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền 36.169.012đ trong đó vốn là 23.494.082đ tiền lãi quá hạn 12.674.930đ và tiếp tục Th lãi suất phát sinh của nợ gốc từ ngày 05/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo các điều khoản trong hợp đồng T dụng

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, 144, 173, 179 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91,95 Luật tổ chức T dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T về việc yêu cầu anh Phạm Ngọc Ta trả số tiền sử dụng thẻ chưa trả.

Buộc anh Phạm Ngọc Ta phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền vay sử dụng thẻ T dụng chưa trả là 36.169.012đ (Ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm mười hai đồng) trong đó vốn là 23.494.082đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi hai đồng) tiền lãi quá hạn 12.674.930đ (Mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi đồng) và tiếp tục Th lãi suất phát sinh của nợ gốc từ ngày 05/8/2023 cho đến khi anh Ta thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo các điều khoản trong hợp đồng T dụng

2. Về án phí: Buộc anh Phạm Ngọc Ta phải nộp 1.808.450đ (Một triệu tám trăm lẽ tám ngàn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh Ta nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền 814.000đ (Tám trăm mười bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004946 ngày 18/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm báo cho các đương sự được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ
- TAND Tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ:
- Các đương sự
- Lưu HSVA:

Võ Thị Hồng Điệp